

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư phát triển tỉnh Thanh Hoá năm 2013.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002; Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1792/QĐ-TTg ngày 30/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2013; Quyết định số 3063/QĐ-BTC ngày 03/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 40/2012/NQ-HĐND ngày 05/12/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá khoá XVI, kỳ họp thứ 5 về việc thông qua kế hoạch đầu tư phát triển năm 2013 tỉnh Thanh Hóa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch đầu tư phát triển của tỉnh Thanh Hóa năm 2013 để các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện, với các nội dung chính như sau:

1. Nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương: 601 tỷ đồng

a) Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 100 tỷ đồng.

- Bố trí để trả nợ vay: 59,75 tỷ đồng.

- Bố trí hoàn ứng ngân sách tỉnh: 13,209 tỷ đồng.

- Bố trí cho các dự án chuyển tiếp: 27,041 tỷ đồng.

b) Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí: 501 tỷ đồng.

- Bố trí vốn đối ứng cho các dự án ODA: 50 tỷ đồng.

- Bố trí thanh toán khối lượng hoàn thành: 172,609 tỷ đồng.

- Bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp: 185,891 tỷ đồng..

- Bố trí vốn cho các chương trình, dự án mới: 92,5 tỷ đồng.

(Chi tiết và mức vốn cụ thể có phụ lục 1 và phụ biểu kèm theo)

2. Nguồn vốn đầu tư theo các chương trình MTQG: 464,628 tỷ đồng

- Bố trí thanh toán khối lượng hoàn thành: 177,399 tỷ đồng.
- Bố trí cho các dự án chuyển tiếp: 272,841 tỷ đồng.
- Bố trí cho các chương trình, dự án mới: 14,388 tỷ đồng.

(Chi tiết và mức vốn cụ thể có phụ lục 2 kèm theo)

3. Nguồn vốn các chương trình bổ sung có mục tiêu từ NSTW và nguồn vốn trái phiếu Chính phủ: Sau khi có quyết định giao kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ báo cáo Thường trực HĐND tỉnh để giao kế hoạch cho các đơn vị và chủ đầu tư thực hiện.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các ngành và đơn vị liên quan, căn cứ Nghị quyết số 40/2012/NQ-HĐND ngày 05/12/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVI, kỳ họp thứ 5; nội dung phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này, các quy định hiện hành của pháp luật và thực tế triển khai thực hiện các công trình, dự án thuộc phạm vi quản lý của tỉnh để cụ thể hoá kế hoạch, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

2. Trên cơ sở kế hoạch đầu tư phát triển năm 2013 được UBND tỉnh giao, các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố định kỳ báo cáo tình hình triển khai và kết quả thực hiện của ngành, địa phương, đơn vị mình gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

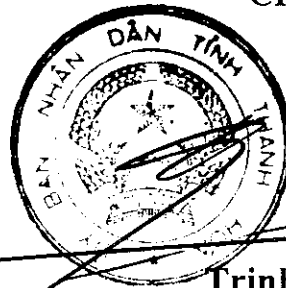
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 QĐ (để thực hiện);
- Văn phòng Chính phủ (để b/cáo);
- Các Bộ: KH & ĐT, Tài chính (để b/cáo);
- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh (để b/cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKH (02).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



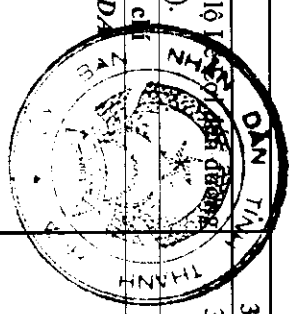
[Handwritten signature]

Trịnh Văn Chiến

CHÍNH PHỦ VIỆT NAM
CHỦ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỪ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NĂM 2013
 (Hạng mục Quản lý kinh phí)
4234 /2012/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2012 của UBND tỉnh Thanh Hóa

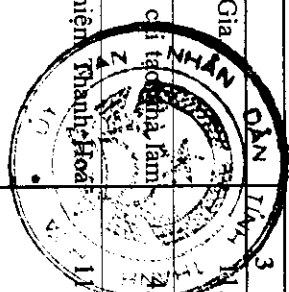
Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Danh mục dự án	Nhu cầu vốn	Đã đầu tư	Vốn còn thiếu	Kế hoạch năm 2013	Chủ đầu tư	Ghi chú
TỔNG SỐ		3	4	5=3-4	6	7	8
1	Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh				601.000		
1	Bổ trí vốn để trả nợ vay Ngân hàng phát triển				100.000		
1					59.750		Trả nợ vốn vay Ngân hàng phát triển để thực hiện vùng thâm canh lúa năng suất, chất lượng, hiệu quả cao; hạ tầng GTNT; Kiên cố hóa kênh mương; hạ tầng làng nghề.
2	Bổ trí hoàn trả số vốn tỉnh đã cấp ứng				13.209		
-	Bồi thường GPMB di tích Đền Tể Nam Giao thuộc Khu di tích Thành Nhà Hồ.				6.257	UBND huyện Vĩnh Lộc	Hoàn ứng ngân sách tỉnh theo Quyết định số 3228/QĐ-UBND ngày 6/10/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh.
-	Bồi thường GPMB thực hiện dự án Trung tâm bồi dưỡng lao động đi làm việc ở Trung Đông.				5.191	UBND huyện Quảng Xương	Hoàn ứng ngân sách tỉnh theo Quyết định số 3049/QĐ-UBND ngày 6/10/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh.
-	Bồi thường GPMB Quảng Trường Lam Sơn.				1.761	Công ty TNHH một thành viên Sông Mã	Hoàn ứng ngân sách tỉnh theo Quyết định số 1963/QĐ-UBND ngày 26/6/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh.
3	Thực hiện dự án chuyển tiếp				27.041		
* 3	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2013	188.000	110.980	77.020	20.400		
-	Nâng cấp, cải tạo đường Thành Thái, TP. Thanh Hóa (Phần NS tính hỗ trợ).	12.847	6.380	6.467	2.600	UBND TP. Thanh Hóa	Kết hợp với nguồn huy động hợp pháp khác của UBND TP. Thanh Hóa để hoàn thành dự án.
-	Đường Đông Hương 2, TP. Thanh Hóa (Phần NS tính hỗ trợ).	29.998	18.500	11.498	2.500	UBND TP. Thanh Hóa	-nt-
-	Cải tạo nâng cấp đường Lê Hoàn, TP. Thanh Hóa (Phần NS tính hỗ trợ).	15.759	9.100	6.659	2.000	UBND TP. Thanh Hóa	-nt-
-	Đường Dương Đình Nghệ kéo dài, TP. Thanh Hóa (Phần NS tính hỗ trợ).	41.212	22.000	19.212	7.000	UBND TP. Thanh Hóa	-nt-
-	Nhà hát Lam Sơn, TP. Thanh Hóa (Phần NS tính hỗ trợ).	88.184	55.000	33.184	6.300	UBND TP. Thanh Hóa	-nt-
*	Dự án hoàn thành sau năm 2013	32.505	10.000	22.505	6.641		

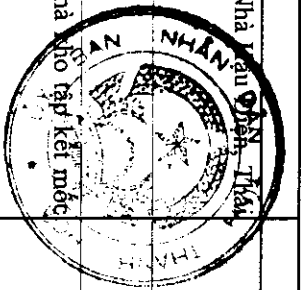


1	2	3	4	5-3-4	6	7	8
-	Đường Đông Hương 1, đoạn từ Đại lộ Thanh Hương 2 (Phần NS tỉnh hồ trợ).	32.505	10.000	22.505	6.641	UBND TP. Thanh Hoá	Kết hợp với nguồn huy động hợp pháp của UBND TP. Thanh Hóa để tiếp tục thực hiện dự án.
II	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chuẩn của UBND tỉnh.				501.000		
a	Bổ trí vốn đối ứng cho các dự án ODA				50.000		Kết hợp với nguồn vốn bổ sung có mục tiêu từ NSTW (47,84 tỷ đồng), bổ trí vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA. Giao UBND tỉnh căn cứ theo tiến độ thực hiện để giao kế hoạch chi tiết cho từng dự án.
b	Bổ trí vốn thanh toán cho các dự án hoàn thành	652.273	384.997	267.276	172.609		
*	Dự án hoàn thành đã có quyết toán được duyệt đến ngày 31/10/2012	393.266	288.529	104.737	104.737		
1	Nhà công vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa.	16.586	16.488	98	98	Văn phòng Tỉnh ủy	Thanh toán theo quyết toán được duyệt.
2	Trụ sở làm việc cơ quan Huyện ủy Yên Định.	22.597	11.300	11.297	11.297	Huyện ủy Yên Định	-nt-
3	Trụ sở liên cơ quan các sở: Tài chính - Công thương.	47.170	37.086	10.084	10.084	Sở Xây dựng	-nt-
4	Tương đài Chiến thắng Hàm Rồng.	27.720	19.500	8.220	8.220	Sở Xây dựng	-nt-
5	Trụ sở làm việc cơ quan Sở Tài nguyên và Môi trường.	35.431	28.100	7.331	7.331	Sở Tài nguyên và Môi trường	-nt-
6	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở làm việc HĐND-UBND huyện Bá Thước.	16.900	11.100	5.800	5.800	UBND huyện Bá Thước	-nt-
7	Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc cơ quan HĐND-UBND tỉnh.	6.490	4.600	1.890	1.890	Văn phòng UBND tỉnh	-nt-
8	Sửa chữa trụ sở làm việc cơ quan Tỉnh ủy Thanh Hóa.	3.386	2.300	1.086	1.086	Văn phòng Tỉnh ủy	-nt-
9	Tu bổ, nâng cấp đê hữu sông Mã đoạn từ cầu Hàm Rồng đến cầu thuyền Bến Ngự - TP. Thanh Hóa	27.052	20.461	6.591	6.591	Chi cục đê điều và PCLB	-nt-
10	Trường trung cấp nghề Thương mại và Du lịch.	22.895	16.948	5.947	5.947	Trường Trung cấp nghề TM và Du lịch	-nt-
11	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Hoá Hoá.	9.058	4.073	4.985	4.985	Huyện ủy Hoá Hoá	-nt-
12	Trạm BVTV các huyện Quan Sơn, huyện Thường Xuân và TX. Sầm Sơn.	9.824	5.131	4.693	4.693	Chi cục bảo vệ thực vật	-nt-
13	Trụ sở làm việc HĐND-UBND huyện Nga Sơn.	15.399	11.596	3.803	3.803	UBND huyện Nga Sơn	-nt-

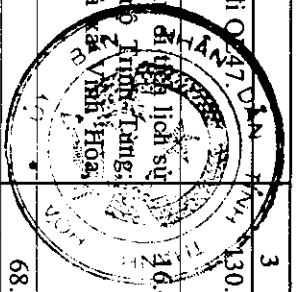
1	2	3	4	5=3-4	6	7	8
14	Trụ sở làm việc cơ quan Huyện ủy Tỉnh Gia	1.935	9.150	2.785	2.785	Huyện ủy Tỉnh Gia	-nt-
15	Trụ sở Huyện ủy Quan Sơn (hạng mục cải tạo nhà làm việc và các công trình phụ trợ).	2.834	3.300	1.534	1.534	Huyện ủy Quan Sơn	-nt-
16	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Kiểm nghiệm Thanh Hóa đạt chất lượng GLP (GDI).	11.096	8.000	3.096	3.096	Trung tâm kiểm nghiệm Thanh Hóa	-nt-
17	Ứng dụng công nghệ thông tin cung cấp dịch vụ hành chính công cấp huyện.	3.787	2.550	1.237	1.237	Sở Thông tin và Truyền thông	-nt-
18	Trụ sở làm việc liên cơ quan Sở Tư pháp - Thông tin và Truyền thông.	24.642	23.582	1.060	1.060	Sở Xây dựng	-nt-
19	Mở rộng, cải tạo và nâng cấp trụ sở làm việc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.	1.371	800	571	571	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.	-nt-
20	Hạ mái dột và làm đường sau sân cảng.	8.246	7.682	564	564	Sở Giao thông Vận tải	-nt-
21	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp Trường Trung cấp Nông Lâm Thanh Hóa (gọi thầu số 2).	1.466	1.084	382	382	Trường Trung cấp Nông Lâm Thanh Hóa	-nt-
22	Cải tạo nâng cấp hệ thống kênh tiêu Thanh niên thị xã Bim Sơn.	496	432	64	64	UBND TX. Bim Sơn	-nt-
23	Trụ sở Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh.	376		376	376	Ban Bảo vệ CSSK cán bộ tỉnh.	-nt-
24	Cải tạo trụ sở làm việc cơ quan Thị ủy Sầm Sơn (Phần bổ sung).	3.311	1.800	1.511	1.511	Thị ủy Sầm Sơn	-nt-
25	Cải tạo, nâng cấp công sở làm việc cơ quan Đảng ủy khối cơ quan dân chính Đảng.	5.670	2.700	2.970	2.970	Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh Thanh Hóa	-nt-
26	Nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng căn cứ Hải đội 2.	4.487	2.500	1.987	1.987	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	-nt-
27	Khu nghĩa địa Xuân Lam, huyện Thọ Xuân.	5.483	5.314	169	169	UBND huyện Thọ Xuân	-nt-
28	Hệ thống nước sinh hoạt bệnh viện đa khoa huyện Bá Thước.	697	559	138	138	UBND huyện Bá Thước	-nt-



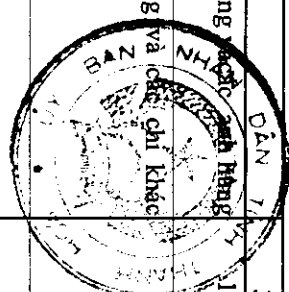
1	2	3	4	5=3-4	6	7	8
29	Tu bổ và phục hồi, tôn tạo nội thất Nhà Văn hoá, Thể thao và Du lịch Miếu Nhà Lê.	1.474	1.419	55	55	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	-nt-
30	Cầu Nam Khê, huyện Hậu Lộc.	885	553	332	332	Sở Giao thông Vận tải	-nt-
31	Nhà ở, làm việc Đội cấm mốc và Nhà kho tập kết mốc (Phần NS tính hỗ trợ).	536		536	536	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	-nt-
32	Hệ thống cấp nước Khu du lịch hồ Kim Quy và khu dân cư làng cổ Đông Sơn, TP. Thanh Hóa.	4.466	2.700	1.766	1.766	UBND TP. Thanh Hóa	-nt-
33	Cải tạo, nâng cấp đường Lê Thánh Tông.	3.751	2.000	1.751	1.751	UBND TP. Thanh Hóa	-nt-
34	Bổ trí vốn hỗ trợ đầu tư các công trình trụ sở xã đã thực hiện giai đoạn 2006 - 2012.	33.749	23.721	10.028	10.028	UBND các xã	Chi tiết có phụ biểu 01 kèm theo.
*	Dự án hoàn thành nhưng chưa có quyết toán được duyệt	259.007	96.468	162.539	67.872		
1	Trụ sở hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh.	54.295	31.000	23.295	7.000	Sở Xây dựng	Thanh toán khối lượng hoàn thành; số vốn còn thiếu sẽ thanh toán sau khi có quyết toán được duyệt và có nguồn.
2	Trụ sở làm việc hợp khối Ủy ban MTTQ và Hội LHPN.	37.127	19.385	17.742	6.500	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	-nt-
3	Trụ sở làm việc cơ quan Huyện uỷ Thạch Thành.	17.993	11.040	6.953	1.500	Huyện uỷ Thạch Thành	-nt-
4	Khu tưởng niệm dân công đã hy sinh tại hang Cỏ Phuong, xã Phú Lê, huyện Quan Hoá.	5.915	3.000	2.915	1.000	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.	-nt-
5	Trung tâm y tế thị xã Sầm Sơn.	20.373	10.250	10.123	4.000	Sở Y tế	-nt-
6	Bổ trí vốn để thanh toán cho các dự án tu sửa đê, kè công địa phương.	100.689	12.050	88.639	35.000	Chi cục ĐD và PCLB, UBND các huyện	Thanh toán khối lượng hoàn thành (Chi tiết có phụ biểu 02 kèm theo).
7	Bổ trí vốn hỗ trợ đầu tư các công trình cấp huyện quản lý.	22.615	9.743	12.872	12.872	UBND các huyện	Thanh toán cho các công trình đã thực hiện GD 2006 - 2012 theo cơ chế tại QĐ 4100/2005/QĐ-UBND ngày 30/12/2005 và QĐ 2539/2009/QĐ-UBND ngày 05/8/2009 của UBND tỉnh (Chi tiết có phụ biểu 03 kèm theo).
c	Bổ trí vốn cho các dự án chuyển tiếp	1.456.940	586.331	870.609	185.891		
*	Dự án, hạng mục công trình dự kiến hoàn thành trong năm 2013	671.068	370.747	300.321	97.891		



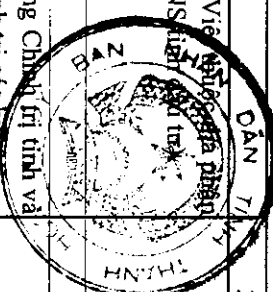
1	2	3	4	5=3-4	6	7	8
1	Đường giao thông từ sân bay Sao Vàng đi QL47, huyện Yên Định, Thanh Hóa.	130.434	45.000	85.434	25.000	Sở Giao thông Vận tải	Hoàn thành dự án.
2	Đường giao thông từ quốc lộ 217 đi Khu di tích lịch sử Quốc gia Chùa Báo Ân, Khu Lăng, mộ Trung Tướng: Đền, bia Trịnh Khả xã Vinh Hùng và xã Vinh Hoà, huyện Vinh Lộc.	36.425	7.000	9.425	5.000	UBND huyện Vinh Lộc	-nt-
3	Xây dựng nhà tang lễ tỉnh.	68.152	49.100	19.052	3.000	Sở Xây dựng	-nt-
4	Trung tâm y tế dự phòng tỉnh.	40.589	20.900	19.689	7.000	Trung tâm y tế dự phòng tỉnh	-nt-
5	Nhà làm việc trung tâm dân số - KHH gia đình huyện Ngọc Lặc, Thạch Thành, Thường Xuân, Thọ Xuân, Hoằng Hoá.	8.958	4.950	4.008	1.300	Chi cục dân số kế hoạch hoá gia đình Thanh Hoá	-nt-
6	Cấp nước sinh hoạt thị trấn Quan Hóa (Phần NS tỉnh hỗ trợ).	11.973	5.500	6.473	2.800	UBND huyện Quan hóa	-nt-
7	Cải tạo, nâng cấp hệ thống cấp nước sinh hoạt thị trấn Kim Tân, huyện: Thạch Thành (GD I).	11.488	5.000	6.488	4.000	UBND huyện Thạch Thành	-nt-
8	Trụ sở làm việc UBND - UBND huyện Hậu Lộc.	32.408	10.500	21.908	10.000	UBND huyện Hậu Lộc	-nt-
9	Hệ thống công trình thủy lợi phục vụ khai thác, rửa mặn xã Hải Lộc, huyện Hậu Lộc.	12.403	4.500	7.903	4.000	UBND huyện Hậu Lộc	-nt-
10	Trung tâm hướng nghiệp, dạy nghề và giới thiệu việc làm thanh niên Thanh Hóa (Phần NS tỉnh hỗ trợ).	5.172	4.210	962	600	BCH Đoàn TNCS HCM tỉnh.	-nt-
11	Cải tạo, nâng cấp đường vào các cơ quan huyện Tĩnh Gia (Phần NS hỗ trợ).	15.400	4.500	10.900	5.191	UBND huyện Tĩnh Gia	Kết hợp với nguồn vốn huy động hợp pháp của huyện để hoàn thành dự án.
12	Trường Cao đẳng Thể dục thể thao.	87.150	53.000	34.150	3.000	Trường Cao đẳng Thể dục thể thao	Hoàn thành và quyết toán các hạng mục công trình đã thực hiện.
13	Trường Cao đẳng Y tế Thanh Hóa.	51.806	37.354	14.452	4.500	Trường Cao đẳng Y tế Thanh Hóa	Hoàn thành và quyết toán các hạng mục công trình đã thực hiện.
14	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng Trung tâm bảo trợ xã hội số 2.	23.935	11.000	12.935	4.500	Trung tâm Bảo trợ xã hội số 2	Thanh toán khối lượng hoàn thành, hoàn thành khu nuôi dưỡng và chăm sóc người già cô đơn, nghĩa trang.
15	Đường cơ động trong căn cứ hậu phương của tỉnh.	42.752	27.079	15.673	8.000	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Hoàn thành tuyến 2 và 887 m của tuyến 1 (đoạn Km0+887); đưng thực hiện phần mặt đường đoạn Km0+887 - Km7+990,6 của tuyến 1.



1	2	3	4	5-3-4	6	7	8
16	Đền thờ các Bà mẹ Việt Nam anh hùng liệt sỹ Hàm Rồng. <i>Trong đó: - Phần chi phí xây dựng và các chi khác (không bao gồm bồi thường GPMB).</i>	112.023	81.154	30.869	10.000	Sở Xây dựng	Kết hợp với nguồn vốn vận động, quyền góp của các tổ chức, cá nhân để thanh toán khối lượng hoàn thành và hoàn thành hạng mục điện chiếu sáng ngoài nhà, tháp tự linh và khu dịch vụ.
	- Phần bồi thường GPMB.	23.023	18.454	4.569	4.569	UBND TP. Thanh Hóa	Hoàn thành bồi thường GPMB.
*	<i>Dự án hoàn thành sau năm 2013</i>	767.985	206.584	561.401	88.000		
1	Trung tâm Triển lãm - Hội chợ - Quảng cáo tỉnh.	275.607	53.400	222.207	20.000	Sở Xây dựng	Tiếp tục thực hiện hạng mục nhà Triển lãm - Hội chợ - Quảng cáo (nhà chính).
2	Thư viện tỉnh.	161.454	31.730	129.724	20.000	Thư viện tỉnh	Tiếp tục thực hiện hạng mục nhà thư viện, hội trường.
3	Trường Cao đẳng Văn hoá - Nghệ Thuật Thanh Hoá (GD 1).	143.408	67.543	75.865	10.000	Trường Đại học Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Hoàn thành nhà hiệu bộ, san nền, công tường rào; nhà giảng đường học lý thuyết, công trình phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật. Riêng hạng mục nhà học thực hành tạm dừng thực hiện.
4	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa (các hạng mục cải tạo).	26.487	7.611	18.876	6.000	Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa	Hoàn thành các hạng mục đã thực hiện và triển khai thực hiện hạng mục cải tạo nhà A, B, D (bao gồm cả chi khác).
5	Cầu Hà Thanh, huyện Hà Trung.	29.627	11.500	18.127	6.000	Sở Giao thông Vận tải	Tiếp tục thực hiện phần cầu, nền móng đường 2 đầu cầu.
6	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ ngã ba thôn 8 xã Tân Ninh đến đến An Tiên, huyện Triệu Sơn (Phần NS tính đầu tư).	36.905	4.000	32.905	9.000	UBND huyện Triệu Sơn	Tiếp tục thực hiện hạng mục nền đường và công trình thoát nước.
7	Nâng cấp đường Nga Nhân - Nga Thiện - Nga An huyện Nga Sơn.	35.274	10.300	24.974	6.000	UBND huyện Nga Sơn	Tiếp tục thực hiện dự án.
8	Công trình thủy lợi chống hạn cho 2 xã Quang Lộc và Liên Lộc, huyện Hậu Lộc.	24.078	10.000	14.078	4.000	UBND huyện Hậu Lộc	Tiếp tục thực hiện hạng mục đầu mối và kênh dẫn chính.
9	Xây dựng mô hình sản xuất, chế biến và tiêu thụ năm ăn, năm được liệu theo hướng công nghiệp tại Thanh Hóa.	20.381	5.000	15.381	4.000	Trung tâm nuôi cấy mô thực vật Thanh Hóa	Tiếp tục thực hiện các hạng mục: nhà trực, nhà nuôi, nhà xưởng sản xuất giống, đường nội bộ, san nền, nhà làm việc tư vấn và chuyển giao công nghệ.
10	Nâng cấp, cải tạo mặt đường tuyến đường tỉnh 525 (đoạn cầu Đò Tráp đi xã Minh Thọ, huyện Nông Cống).	14.764	5.500	9.264	3.000	UBND huyện Nông Cống	Tiếp tục thực hiện dự án.
*	<i>Dự án đang thực hiện</i>	17.887	9.000	8.887			



1	2	3	4	5=3-4	6	7	8
1	Dường vào Nhà máy Ferocrom Nam Việt (Nhà máy thép) xã Văn Sơn, huyện Triệu Sơn (Phần NSĐT)	17.887	9.000	8.887		UBND huyện Triệu Sơn	Do nguồn huy động của công ty và của huyện khó khăn (đảm nhận 50% nhu cầu vốn), đến nay chưa có nguồn bố trí cho dự án, nên đề nghị tạm dừng thực hiện dự án.
d	Dự án khởi công mới năm 2013				92.500		
1	Bổ trí vốn để cải tạo, nâng cấp Trường Chính trị tỉnh và hỗ trợ đầu tư trung tâm bồi dưỡng chính trị các huyện.				10.000	Trường Chính trị tỉnh; huyện ủy các huyện	Cải tạo, nâng cấp một số hạng mục công trình thuộc Trường Chính trị tỉnh và hỗ trợ đầu tư 05 trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện (<i>Chi tiết có phụ lục 04 kèm theo</i>).
2	Hỗ trợ đầu tư xây dựng trụ sở xã.				15.000	UBND các xã	Hỗ trợ đầu tư 09 trụ sở xã, gồm: 02 xã chưa có trụ sở làm việc và 07 xã khác đã có chủ trương đầu tư của Tỉnh ủy, UBND tỉnh (<i>Chi tiết có phụ biểu 01 kèm theo</i>).
3	Bảo tồn, tôn tạo Khu làng mộ Triệu Vương, Trịnh Tùng xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc (NS tỉnh hỗ trợ đầu tư hạng mục khu nhà bia, sân châu, chi phi tư vấn, chi phí quản lý dự án và chi khác).	7.436		7.436	2.000	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Kết hợp với nguồn vốn do tổ chức, cá nhân quyên góp để hoàn thành hạng mục khu nhà bia.
4	Các dự án khác				65.500		Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ tiến độ chuẩn bị đầu tư và hồ sơ thủ tục, đề xuất phân bổ vốn chi tiết cho từng dự án, báo UBND tỉnh.
-	Hạ tầng sân bay Sao Vàng.					Sở Giao thông Vận tải	
-	Bảo tàng tỉnh.					Sở Xây dựng	
-	Dường hầm cơ quan Tỉnh ủy/sở chỉ huy thống nhất tỉnh Thanh Hóa (CHI-01).					Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	
-	Cải tạo, nâng cấp trụ sở Công an tỉnh Thanh Hóa.					Công an tỉnh Thanh Hóa	
-	Doanh trại cho đối công tác liên ngành phục vụ bám, nắm địa bàn tại xã Mường Lý, huyện Mường Lát.					Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	
-	Trung tâm y tế TP. Thanh Hóa.					Trung tâm y tế TP. Thanh Hóa	
-	Cải tạo, sửa chữa nhà E - Nhà khách Văn phòng UBND tỉnh.					Nhà khách Văn phòng UBND tỉnh	

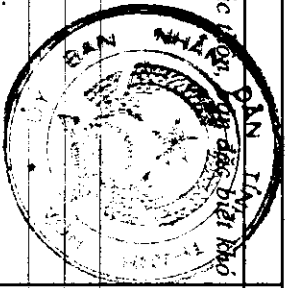


CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2013
 Kế hoạch được quyết định số: 423/2012/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2012 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

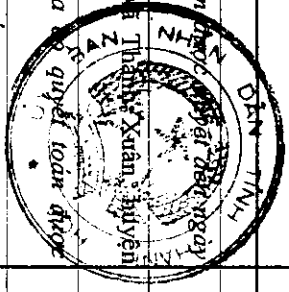
Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Danh mục dự án	Nhu cầu vốn	Đã đầu tư	Vốn còn thiếu	Kế hoạch năm 2013	Chủ đầu tư	Chi chú
1	2	3	4	5=3-4	6	7	8
	TỔNG SỐ				464.628		
I	Chương trình MTQG việc làm và dạy nghề				9.202		
*	Dự án hỗ trợ phát triển thị trường lao động				9.202		
-	Trung tâm giới thiệu việc làm Thanh Hoá	28.228	8.900	19.328	9.202	Trung tâm giới thiệu việc làm.	Hoàn thành hàng mục nhà quản lý hành chính, thoát nước, cấp nước, cấp điện, nhà trực bảo vệ, nhà để xe, công và tường rào (bao gồm cả chi khác).
II	Chương trình MTQG giảm nghèo				359.326		
a	Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo				37.000		Sau khi Thủ tướng Chính phủ có quyết định phê duyệt danh mục cụ thể các xã, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư để xuất phân bổ vốn chi tiết cho từng huyện để triển khai thực hiện, báo cáo UBND tỉnh.
b	Dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn; các thôn bản đặc biệt khó khăn				129.400		
b.1	Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn				93.000		Trên cơ sở định mức hỗ trợ (1 tỷ đồng/xã), giao Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn các huyện, xã lựa chọn mục tiêu đầu tư để triển khai thực hiện theo quy định.
1	Huyện Mường Lát (7 xã).				7.000		
2	Huyện Quan Hoá (14 xã).				14.000		
3	Huyện Quan Sơn (10 xã).				10.000		
4	Huyện Lang Chánh (5 xã).				5.000		
5	Huyện Bá Thước (13 xã).				13.000		
6	Huyện Thường Xuân (8 xã).				8.000		
7	Huyện Ngọc Lặc (8 xã).				8.000		
8	Huyện Cẩm Thủy (4 xã).				4.000		
9	Huyện Thạch Thành (5 xã).				5.000		
10	Huyện Như Xuân (11 xã).				11.000		
11	Huyện Như Thanh (6 xã).				6.000		
12	Huyện Triệu Sơn (1 xã).				1.000		
13	Huyện Tĩnh Gia (1 xã).				1.000		

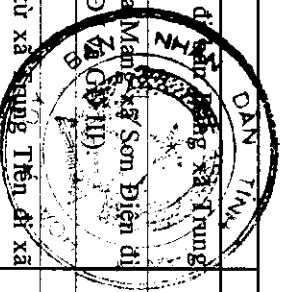
1	2	3	4	5=3-4	6	7	8
b.2	Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các thôn, xã đặc biệt khó khăn				36.400		Trên cơ sở định mức hỗ trợ (200 triệu đồng/thôn, bản), giao Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn các huyện, xã lựa chọn mục tiêu đầu tư để triển khai thực hiện theo quy định.
1	Huyện Quan Hoá (7 bản).				1.400		
2	Huyện Quan Sơn (1 bản).				200		
3	Huyện Bá Thước (21 thôn, bản).				4.200		
4	Huyện Lang Chánh (8 thôn, bản).				1.600		
5	Huyện Ngọc Lặc (30 thôn).				6.000		
6	Huyện Thường Xuân (7 thôn, bản).				1.400		
7	Huyện Như Xuân (14 thôn).				2.800		
8	Huyện Như Thanh (13 thôn).				2.600		
9	Huyện Cẩm Thủy (11 thôn).				2.200		
10	Huyện Thạch Thành (30 thôn).				6.000		
11	Huyện Vĩnh Lộc (8 thôn, bản).				1.600		
12	Huyện Yên Định (3 thôn).				600		
13	Huyện Thọ Xuân (1 thôn).				200		
14	Huyện Hà Trung (13 thôn).				2.600		
15	Huyện Triệu Sơn (12 thôn).				2.400		
16	Huyện Tĩnh Gia (3 thôn).				600		
c	Hỗ trợ đầu tư huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ				192.926		
1	Huyện Mường Lát	196.133	101.491	94.642	28.980		
*	Dự án hoàn thành đã có quyết toán được duyệt đến ngày 31/10/2012	56.163	33.435	22.728	22.728		
-	Nâng cấp đường giao thông từ UBND xã đi bản Chai - Lách xã Mường Chanh.	25.038	12.883	12.155	12.155	UBND huyện Mường Lát	Thanh toán theo quyết toán được duyệt.
-	Đường giao thông bản Pù Quân xã Pù Nhi đến bản Bàn xã Quang Chiếu.	31.125	20.552	10.573	10.573	UBND huyện Mường Lát	-nt-
*	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2013	35.293	22.200	13.093	3.252	UBND huyện Mường Lát	Hoàn thành dự án.
-	Trung tâm dạy nghề huyện Mường Lát.	35.293	22.200	13.093	3.252	UBND huyện Mường Lát	
*	Dự án hoàn thành sau năm 2013	104.677	45.856	58.821	3.000	UBND huyện Mường Lát	
-	Đập, nương bản Sáng xã Quang Chiếu.	14.332	4.400	9.932	1.000	UBND huyện Mường Lát	Tiếp tục thực hiện hạng mục kênh và công trình trên kênh.
-	Nâng cấp đường từ Pá Quân đi bản Cò Cài xã Trung Lý.	56.564	22.100	34.464	1.000	UBND huyện Mường Lát	Thanh toán khối lượng hoàn thành.
-	Đường giao thông từ bản Chim xã Nhi Sơn đi bản Pom Khương xã Tam Chung.	33.781	19.356	14.425	1.000	UBND huyện Mường Lát	-nt-



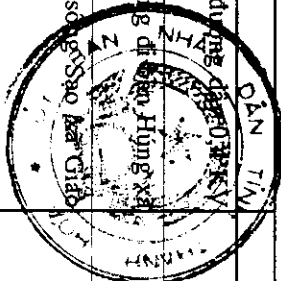
1	2	3	4	5-3-4	6	7	8
1							
2	Huyện Quan Hoá	192.001	119.700	72.301	27.324		
*	Dự án hoàn thành có quyết toán được duyệt 31/10/2012	4.654	4.100	554	554		
-	Đập, kênh dẫn nước bản Già xã Thuận Xuân, huyện Quan Hoá.	4.654	4.100	554	554	UBND huyện Quan Hoá	Thanh toán theo quyết toán được duyệt.
*	Dự án hoàn thành nhưng chưa có quyết toán được duyệt	158.032	107.200	50.832	19.146		
-	Đường từ Bàn Dồi Thiên Phú đến Bàn Bầu xã Nam Động.	25.860	15.800	10.060	5.000	UBND huyện Quan Hóa	Thanh toán khối lượng hoàn thành, số vốn còn thiếu sẽ thanh toán sau khi có quyết toán được duyệt và có nguồn.
-	Đường giao thông từ Bàn Dồi xã Thiên Phú đi bản Bầu xã Nam Động (GD 2).	36.519	28.100	8.419	1.200	UBND huyện Quan Hóa	-nt-
-	Nâng cấp, cải tạo trung tâm giáo dục thường xuyên và dạy nghề huyện Quan Hoá.	16.996	10.300	6.696	3.000	UBND huyện Quan Hóa	-nt-
-	Đường giao thông Poọng - Ho xã Hiền Kiệt (GD 1).	27.023	21.000	6.023	646	UBND huyện Quan Hóa	-nt-
-	Đường giao thông Poọng - Ho xã Hiền Kiệt (GD 2).	30.688	17.400	13.288	7.200	UBND huyện Quan Hóa	-nt-
-	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông liên xã Nam Xuân - Hối Xuân.	20.946	14.600	6.346	2.100	UBND huyện Quan Hóa	-nt-
*	Dự án hoàn thành sau năm 2013	29.315	8.400	20.915	7.624		
-	Cầu Nam Tiến.	29.315	8.400	20.915	7.624	UBND huyện Quan Hóa	Tiếp tục thực hiện dự án.
3	Huyện Quan Sơn	161.794	86.390	75.404	25.576		
*	Dự án hoàn thành đã có quyết toán được duyệt đến ngày 31/10/2012	21.624	17.300	4.324	4.324		
-	Đập, nương Lân xã Mường Min.	2.545	1.900	645	645	UBND huyện Quan Sơn	Thanh toán theo quyết toán được duyệt.
-	Đường giao thông từ quốc lộ 217 đi xã Trung Xuân.	6.624	5.700	924	924	UBND huyện Quan Sơn	-nt-
-	Đập, nương bản Ngần, Mò xã Tam Thanh- Bàn Piêng Khoch xã Tam Lư.	12.455	9.700	2.755	2.755	UBND huyện Quan Sơn	-nt-
*	Dự án hoàn thành nhưng chưa có quyết toán được duyệt	17.896	10.800	7.096	2.752		
-	Nâng cấp, cải tạo Trung tâm giáo dục thường xuyên và dạy nghề huyện Quan Sơn.	17.896	10.800	7.096	2.752	UBND huyện Quan Sơn	Thanh toán khối lượng hoàn thành; số vốn còn thiếu sẽ thanh toán sau khi có quyết toán được duyệt.
*	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2013	95.579	58.290	37.289	16.000		
-	Cầu thị trấn Quan Sơn.	34.410	20.000	14.410	6.000	UBND huyện Quan Sơn	Hoàn thành dự án.



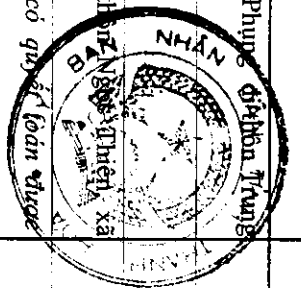
1	2	3	4	5=3-4	6	7	8
-	Dường giao thông từ bản Mây đến Thượng.	14.642	6.290	8.352	5.000	UBND huyện Quan Sơn	-nt-
-	Dường từ quốc lộ 217 đi bản Cha Lung xã Tam Thanh (GFD bản Cha Lung xã Tam Thanh (GFD xã Cổ Lũy).	46.527	32.000	14.527	5.000	UBND huyện Quan Sơn	Hoàn thành giai đoạn I và giai đoạn III.
*	Dự án khởi công mới năm 2013	26.695		26.695	2.500		
-	Cầu treo và đường giao thông từ xã Trung Xuân đi xã Trung Xuân.	26.695		26.695	2.500	UBND huyện Quan Sơn	Triển khai thực hiện hạng mục cầu treo.
4	Huyện Bá Thước	196.471	100.800	95.671	28.152		
*	Dự án hoàn thành đã có quyết toán được duyệt đến ngày 31/10/2012	3.912	3.000	912	912		
-	Đập Bai Trươn thôn Tam Liên, xã Diên Quang.	3.912	3.000	912	912	UBND huyện Bá Thước	Thanh toán theo quyết toán được duyệt.
*	Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt	61.781	46.400	15.381	3.000		
-	Dường giao thông từ quốc lộ 217 đi Diên Quang - Diên Thượng.	18.170	13.700	4.470	800	UBND huyện Bá Thước	Thanh toán khối lượng hoàn thành; số vốn còn thiếu sẽ thanh toán sau khi có quyết toán được duyệt và có nguồn.
-	Dường Lũng Niêm đi Thành Sơn.	43.611	32.700	10.911	2.200	UBND huyện Bá Thước	-nt-
*	Dự án hoàn thành sau năm 2013	130.778	51.400	79.378	24.240		
-	Dường giao thông Cẩm Giang - Cẩm Quý huyện Cẩm Thủy đi Lương Trung huyện Bá Thước (đoạn trên địa bàn huyện Bá Thước).	35.022	13.900	21.122	6.000	UBND huyện Bá Thước	Tiếp tục thực hiện dự án
-	Dường từ quốc lộ 217 xã Ai Thượng đi ngã ba Kẹm xã Diên Lự, huyện Bá Thước.	37.337	14.200	23.137	8.240	UBND huyện Bá Thước	-nt-
-	Dường giao thông từ thôn Mười đi thôn Muôn xã Diên Quang.	28.058	10.600	17.458	5.500	UBND huyện Bá Thước	-nt-
-	Dường giao thôn Làng Thành Diên đi Làng Ruồng xã Diên Hà.	30.361	12.700	17.661	4.500	UBND huyện Bá Thước	-nt-
5	Huyện Lang Chánh	176.191	100.177	76.014	27.324		
*	Dự án hoàn thành đã có quyết toán được duyệt đến ngày 31/10/2012	61.302	43.807	17.495	17.495		
-	Nâng cấp đường giao thông từ thị trấn Lang Chánh đi xã Tam Văn.	30.379	20.000	10.379	10.379	UBND huyện Lang Chánh	Thanh toán theo quyết toán được duyệt.
-	Nâng cấp, cải tạo trung tâm giáo dục thường xuyên và dạy nghề huyện Lang Chánh.	18.072	11.000	7.072	7.072	UBND huyện Lang Chánh	-nt-
-	Dường giao thông từ bản Cây đến UBND xã Giao An.	12.851	12.807	44	44	UBND huyện Lang Chánh	-nt-
*	Dự án hoàn thành sau năm 2013	114.889	56.370	58.519	9.829		



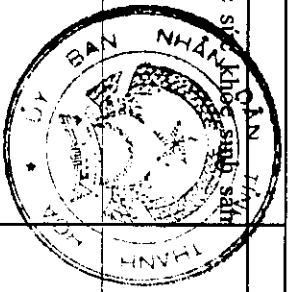
1	2	3	4	5=3-4	6	7	8
-	Đường điện 35 KV, trạm biến áp và đường dây 30 KV bản Nà Dang, xã Lâm Phú.	21.166	8.000	13.166	4.000	UBND huyện Lang Chánh	Tiếp tục thực hiện dự án.
-	Đường giao thông nông thôn bản Pong đi đến Hùng xã Giao Thiện.	25.148	10.000	15.148	4.000	UBND huyện Lang Chánh	-nt-
-	Tràn liên hợp và đường 2 đầu tràn sông Sào A và Chão Thiện.	51.663	30.770	20.893	1.000	UBND huyện Lang Chánh	Thanh toán khối lượng hoàn thành hạng mục tràn liên hợp và đường 2 đầu tràn sông Sào. Tạm dừng thực hiện tuyến mới bỏ sung đoạn từ xã Giao Thiện đi thôn Chiềng Lèn, thôn Lăn Xỏ.
-	Đường giao thông thị trấn Lang Chánh đi Làng Giáng xã Quang Hiến.	16.912	7.600	9.312	829	UBND huyện Lang Chánh	Thanh toán khối lượng hoàn thành các hạng mục đã thực hiện. Tạm dừng triển khai thực hiện tuyến mới bỏ sung (đoạn từ Km0+00 - Km0+977).
6	Huyện Như Xuân	105.080	55.664	49.416	26.680		
*	<i>Dự án hoàn thành đã có quyết toán được duyệt đến ngày 31/10/2012</i>	40.994	34.564	6.430	6.430		
-	Đường thị trấn Yên Bái đi Bình Lương.	15.777	13.300	2.477	2.477	UBND huyện Như Xuân	Thanh toán theo quyết toán được duyệt.
-	Nâng cấp đường giao thông Thanh Phong - Thanh Lâm.	5.860	3.700	2.160	2.160	UBND huyện Như Xuân	-nt-
-	Đập khe Choon, làng sắng xã Thanh Lâm	14.270	14.064	206	206	UBND huyện Như Xuân	-nt-
-	Đập Lèn Ôi xã Hòa Quý.	5.087	3.500	1.587	1.587	UBND huyện Như Xuân	-nt-
*	<i>Dự án hoàn thành sau năm 2013</i>	64.086	21.100	42.986	20.250		
-	Sửa chữa nâng cấp hồ Đồng Cẩn, xã Xuân Bình.	36.937	12.000	24.937	12.000	UBND huyện Như Xuân	Tiếp tục thực hiện dự án.
-	Đường Yên Cát đi Tân Bình nối với Xuân Khang (huyện Như Thanh).	27.149	9.100	18.049	8.250	UBND huyện Như Xuân	-nt-
7	Huyện Thường Xuân	207.966	119.000	88.966	28.890		
*	<i>Dự án hoàn thành đã có quyết toán được duyệt đến ngày 31/10/2012</i>	41.205	34.400	6.805	6.805		
-	Đường từ thôn Quyết Thắng, xã Xuân Cao - thôn Trảng Cát, xã Luận Khê - thôn Xuân Hợp, xã Luận Thành.	20.800	17.700	3.100	3.100	UBND huyện Thường Xuân	Thanh toán theo quyết toán được duyệt.
-	Kiên cố kênh Na Mém - Lùm Mưa xã Vạn Xuân.	2.217	2.000	217	217	UBND huyện Thường Xuân	-nt-
-	Đập Khe Dài xã Luận Thành.	2.423	2.300	123	123	UBND huyện Thường Xuân	-nt-
-	Đường giao thông nông thôn xã Thọ Thanh.	4.171	3.600	571	571	UBND huyện Thường Xuân	-nt-



1	2	3	4	5=3-4	6	7	8
-	Đường từ thôn Hoài Lâm, xã Ngọc Phụng, địa thôn Trung Chính, xã Xuân Cầm.	4.616	3.800	816	816	UBND huyện Thường Xuân	-nt-
-	Đường tránh thị trấn đi Tô Rồng.	1.771	1.200	571	571	UBND huyện Thường Xuân	-nt-
-	Đường từ thôn Lương Thịnh đi thôn Ngọc Thịnh, xã Lương Sơn.	5.207	3.800	1.407	1.407	UBND huyện Thường Xuân	-nt-
*	Dự án hoàn thành nhưng chưa có quyết định phê duyệt	43.721	30.500	13.221	4.500		
-	Trạm biến áp và đường dây 0,4 KV xã Yên Nhân.	15.658	10.600	5.058	1.900	UBND huyện Thường Xuân	Thanh toán khối lượng hoàn thành; số vốn còn thiếu sẽ thanh toán sau khi có quyết toán được duyệt và có nguồn.
-	Trung tâm dạy nghề huyện Thường Xuân.	28.063	19.900	8.163	2.600	UBND huyện Thường Xuân	-nt-
*	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2013	68.240	41.100	27.140	9.000		
-	Nối tiếp đường giao thông Lương Thịnh đi Ngọc Thiện xã Lương Sơn, huyện Thường Xuân.	29.238	14.600	14.638	5.000	UBND huyện Thường Xuân	Hoàn thành dự án.
-	Đường giao thông từ trung tâm xã đi bản Vịn, bản Đực xã Bát Mọt, huyện Thường Xuân (GD I).	39.002	26.500	12.502	4.000	UBND huyện Thường Xuân	Hoàn thành giai đoạn I.
*	Dự án hoàn thành sau năm 2013	54.800	13.000	41.800	8.585		
-	Trường THPT Thường Xuân 3, huyện Thường Xuân	26.746	4.000	22.746	5.585	UBND huyện Thường Xuân	Hoàn thành hạng mục nhà lớp học, san nền và triển khai thực hiện hạng mục nhà hiệu bộ.
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông Xuân Dương - Thọ Thanh - Xuân Cao.	28.054	9.000	19.054	3.000	UBND huyện Thường Xuân	Tiếp tục thực hiện dự án.
III	Chương trình MTQG nước sạch và VSMT nông thôn				20.810		
*	Dự án cấp nước sinh hoạt tập trung				16.910		
-	Cấp nước và nhà tiêu hợp vệ sinh cho các trường học.				3.000		Thanh toán cho các dự án đã hoàn thành có quyết toán được duyệt trong năm 2013 và bố trí vốn để khởi công mới một số dự án thất sự cấp bách.
-	Cấp nước và nhà tiêu hợp vệ sinh cho các trạm y tế xã.				900		Hỗ trợ đầu tư xây dựng 15 công trình cấp nước và nhà tiêu hợp vệ sinh cho trạm y tế xã (60 triệu đồng/công trình).
IV	Chương trình MTQG y tế				6.422		
*	Dự án phòng, chống một số bệnh có tính chất nguy hiểm đối với cộng đồng	62.018	8.672	53.346	6.422		



1	2	3	4	5=3-4	6	7	8
-	Trang thiết bị Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản tỉnh Thanh Hóa.	10.727	5.084	5.643	4.422	Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản tỉnh.	Hoàn thành dự án.
-	Cải tạo, mở rộng Bệnh viện Da liễu.	51.291	3.588	47.703	2.000	Bệnh viện Da liễu	Hoàn thành GPMB, san nền, cấp điện ngoại nhà và triển khai thực hiện hạng mục nhà chống nhiễm khuẩn (bao gồm chi khác).
V	Chương trình MTQG văn hóa				10.120		
*	<i>Dự án hoàn thành sau năm 2013</i>	9.828	4.600	5.228	1.820		
-	Tu bổ, tôn tạo Di tích quốc gia đền thờ Trần Khát Chân, xã Vinh Thịnh, huyện Vĩnh Lộc.	9.828	4.600	5.228	1.820	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Hoàn thành hạng mục nhà tiên đường và hậu điện (Phần CT MTQG hỗ trợ).
*	<i>Dự án khởi công mới năm 2013</i>				8.300		Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư để xuất phân bổ vốn chi tiết cho từng dự án, báo cáo UBND tỉnh.
-	Tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa Nghệ Việt.					Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
-	Trung tâm văn hóa, thể thao huyện Cẩm Thủy.					UBND huyện Cẩm Thủy	
VI	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới				53.817	UBND các xã	Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ hướng dẫn của Bộ NN và PTNT, ý kiến chỉ đạo của Ban Chỉ đạo CT MTQG xây dựng nông thôn mới của tỉnh, hướng dẫn các huyện, xã lựa chọn mục tiêu đầu tư và phân bổ vốn chi tiết cho từng đơn vị.
VII	Chương trình MTQG giáo dục và đào tạo				1.343		Thanh toán theo quyết toán được duyệt.
-	Thư viện - Nhà lớp học bộ môn trường THCS Dân tộc nội trú huyện Lang Chánh.	4.763	3.095	1.668	1.343	Sở Giáo dục và Đào tạo	
VIII	Chương trình MTQG đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo				3.588		Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư đề xuất phân bổ vốn chi tiết cho dự án, báo cáo UBND tỉnh.
-	Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở trên địa bàn 11 huyện miền núi.					Sở Thông tin và Truyền thông	



Phụ biểu 1:

(Kế hoạch) Quyết định số: **H234** /2012/QĐ-UBND ngày **17** tháng **12** năm **2012** của **UBND tỉnh Thanh Hóa**

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Danh mục dự án	Như cầu vốn	Đã đầu tư	Vốn còn thiếu	Kế hoạch năm 2013	Chủ đầu tư	Ghi chú
TỔNG SỐ							
I	Các dự án đã thực hiện trong giai đoạn 2006 - 2012 theo QĐ 3923/2006/QĐ-UBND ngày 29/12/2006 của UBND tỉnh	33.749	23.721	10.028	10.028		
					25.028		
1	Công sở xã Quang Chiểu, huyện Mường Lát.	4.170	2.601	1.569	1.569	UBND xã Quang Chiểu	Thanh toán theo quyết toán được duyệt.
2	Công sở xã Nhi Sơn, huyện Mường Lát.	3.119	2.350	769	769	UBND xã Nhi Sơn	-nt-
3	Công sở xã Nga Thạch, huyện Nga Sơn.	2.455	1.700	755	755	UBND xã Nga Thạch	-nt-
4	Công sở xã Thành Công, huyện Thạch Thành.	1.922	1.610	312	312	UBND xã Thành Công	-nt-
5	Công sở xã Thành Tân, huyện Thạch Thành.	1.525	1.100	425	425	UBND xã Thành Tân	-nt-
6	Công sở xã Thạch Tân, huyện Thạch Thành.	1.830	1.610	220	220	UBND xã Thạch Tân	-nt-
7	Công sở xã Thành Trục, huyện Thạch Thành.	1.896	1.470	426	426	UBND xã Thành Trục	-nt-
8	Công sở xã Xuân Thọ, huyện Như Thanh.	2.959	2.000	959	959	UBND xã Xuân Thọ	-nt-
9	Công sở xã Xuân Cao, huyện Thường Xuân.	1.938	1.530	408	408	UBND xã Xuân Cao	-nt-
10	Công sở xã Cẩm Bình, huyện Cẩm Thủy.	3.414	2.000	1.414	1.414	UBND xã Cẩm Bình	-nt-
11	Công sở xã Tây Hồ, huyện Thọ Xuân.	2.455	1.700	755	755	UBND xã Tây Hồ	-nt-
12	Công sở xã Hải Lộc, huyện Hậu Lộc.	4.057	2.900	1.157	1.157	UBND xã Hải Lộc	-nt-
13	Công sở xã Tế Nông, huyện Nông Cống.	2.008	1.150	858	858	UBND xã Tế Nông	-nt-
II	Các dự án khởi công mới năm 2013				15.000		Trên cơ sở tiến độ chuẩn bị đầu tư và các quy định, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư đề xuất phân bổ vốn chi tiết cho từng dự án, báo cáo UBND tỉnh.
1	Công sở xã Nga Thắng, huyện Nga Sơn.					UBND xã Nga Thắng	
2	Công sở xã Hà Tân, huyện Hà Trung.					UBND xã Hà Tân	
3	Công sở xã Thiệu Toán, huyện Thiệu Hóa.					UBND xã Thiệu Toán	
4	Công sở xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân.					UBND xã Xuân Minh	
5	Công sở xã Hà Tiến, huyện Hà Trung.					UBND xã Hà Tiến	
6	Công sở xã Thanh Lộc, huyện Hậu Lộc.					UBND xã Thanh Lộc	
7	Công sở xã Cẩm Châu, huyện Cẩm Thủy.					UBND xã Cẩm Châu	
8	Công sở xã Tân Thành, huyện Thường Xuân.					UBND xã Tân Thành	
9	Công sở xã Quang Trung, TX. Bìn Sơn.					UBND xã Quang Trung	

Phụ biểu 2:

(Kế hoạch) Ủy ban Dân Trưng
CHI TIẾT KẾ HOẠCH TƯ SỬA ĐÊ, KÈ, CÔNG ĐĨA PHƯƠNG NĂM 2013
 Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2012 của UBND tỉnh Thanh Hóa

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Danh mục dự án	Nhu cầu vốn	Đã đầu tư	Vốn còn thiếu	Kế hoạch năm 2013	Chủ đầu tư	Ghi chú
1	2	3	4	5=3-4	6	7	8
I	TỔNG SỐ	100.689	12.050	88.639	35.000		
1	Bố trí vốn cho các dự án thực hiện từ năm 2010 trở về trước đã có quyết toán được duyệt	13.352	5.992	7.360	7.360		
1	Đê Định Bình - Định Hoà, huyện Yên Định (2010).	3.201	1.477	1.724	1.724	UBND huyện Yên Định	Thanh toán theo quyết toán được duyệt.
2	Đê hữu sông Cầu Chày thuộc địa phận xã Thiệu Long, xã Thiệu Giang, huyện Thiệu Hoá (2010).	5.876	2.545	3.331	3.331	UBND huyện Thiệu Hoá	-nt-
3	Cống nhân nhương tại K29+600 đê hữu sông Hoàng xã Tế Tân, huyện Nông Công (2010).	1.415	660	755	755	UBND huyện Nông Công	-nt-
4	Tôn cao, áp trục đê bổi xã Nga Thạch, huyện Nga Sơn (2010).	2.860	1.310	1.550	1.550	UBND huyện Nga Sơn	-nt-
II	Bố trí vốn cho các dự án thực hiện năm 2011	87.337	6.058	81.279	24.640		
1	Đê hữu sông Hoàng xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn (2011).	12.343	750	11.593	3.600	UBND huyện Triệu Sơn	Thanh toán theo quyết toán được duyệt; số vốn còn thiếu sẽ thanh toán khi có nguồn.
2	Đê hữu sông Cầu Chày xã Thiệu Giang, huyện Thiệu Hoá (2011).	9.565	540	9.025	2.800	UBND huyện Thiệu Hoá	-nt-
3	Đê tả sông Hoạt xã Quang Trung, thị xã Bim Sơn (2011).	2.823	210	2.613	750	UBND thị xã Bim Sơn	-nt-
4	Đê tả sông Hoạt xã Hà Thanh, huyện Hà Trung (2011).	3.928	290	3.638	1.100	UBND huyện Hà Trung	-nt-
5	Đê hữu sông Cầu Hung xã Xuân Lâm, huyện Tĩnh Gia (2011).	6.128	320	5.808	1.900	UBND huyện Tĩnh Gia	-nt-
6	Đê tả sông Hoàng xã Quảng Long, huyện Quảng Xương (2011).	4.760	360	4.400	1.350	UBND huyện Quảng Xương	-nt-
7	Đê hữu sông Cầu Chày, xã Thọ Thắng, huyện Thọ Xuân (2011).	4.544	340	4.204	1.250	UBND huyện Thọ Xuân	Thanh toán khối lượng hoàn thành; số vốn còn thiếu sẽ thanh toán khi có quyết toán được duyệt và có nguồn.
8	Đê hữu sông Càn, xã Nga Phú đoạn từ K0-K0+700, huyện Nga Sơn (2011).	4.658	350	4.308	1.300	UBND huyện Nga Sơn	-nt-

1	2	3	4	5-3-4	6	7	8
9	Đê tả sông Âu xã Thuận Lộc, huyện Hậu Lộc Bộ Đầu đến làng Nhuệ Thôn xã Thuá (2011).	5.297	400	4.897	1.450	UBND huyện Hậu Lộc	-nt-
10	Kè chống sạt lở bờ tả sông Bưởi tại K K19+050 tuyến đường 523 xã Thành Mỹ Thạch Thành (2011).	5.896	440	5.456	1.600	UBND huyện Thạch Thành	-nt-
11	Đê hữu sông Nhom xã Trung Thành, đoạn từ K17+600-K20+100, huyện Nông Công (2011).	5.094	380	4.714	1.400	UBND huyện Nông Công	-nt-
12	Đê tả sông Hép xã Yên Tâm- Yên Giang, huyện Yên Đĩnh (2011).	5.409	400	5.009	1.500	UBND huyện Yên Đĩnh	-nt-
13	Đê dòng sông Cùng xã Hoàng Ngọc, đoạn từ K3+650-K5+950, huyện Hoàng Hoá (2011).	10.534	790	9.744	2.900	UBND huyện Hoàng Hoá	-nt-
14	Công Sơn Cương đê hữu sông Hoàng, xã Dân Quyển, huyện Triệu Sơn (2011).	1.593	138	1.455	420	UBND huyện Triệu Sơn	-nt-
15	Đê tả sông Chu xã Thọ Thanh, huyện Thường Xuân (2011).	4.765	350	4.415	1.320	UBND huyện Thường Xuân	-nt-
III	Bố trí vốn xây dựng hạt quản lý đê và kho vật tư dự trữ phục vụ PCLB trên địa bàn tỉnh				3.000	Chi cục đê điều và PCLB	Giao UBND tỉnh trên cơ sở hồ sơ, thủ tục để giao kế hoạch cho dự án.

Phụ biểu 3:

(Kèm theo Quyết định số 4234 /2012/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2012 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

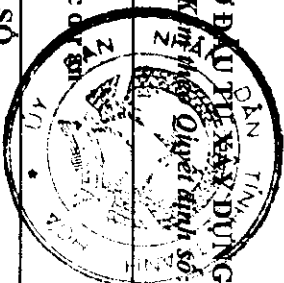
Số TT	Danh mục dự án	Nhu cầu vốn (Phần NS tính đầu tư)	Đã đầu tư	Vốn còn thiếu	Kế hoạch năm 2013	Chủ đầu tư	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	38.867	25.995	12.872	12.872		
1	Nhà hội trường - Khu hội nghị huyện Bá Thước.	6.416	5.053	1.363	1.363	UBND huyện Bá Thước	Thanh toán theo quyết toán được duyệt
2	Nhà hội trường - Khu hội nghị huyện Cẩm Thủy.	6.052	4.690	1.362	1.362	UBND huyện Cẩm Thủy	-nt-
3	Sân vận động thể dục, thể thao huyện Cẩm Thủy.	4.794		4.794	4.794	UBND huyện Cẩm Thủy	Hỗ trợ theo văn bản số 2075/UBND-KTTC ngày 13/4/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh.
4	Sân vận động thể dục, thể thao huyện Quảng Xương.	1.409		1.409	1.409	UBND huyện Quảng Xương	Thanh toán khối lượng hoàn thành.
5	Hồ Na Luốc xã Ngọc Phương, huyện Thường Xuân.	5.379	4.642	737	737	UBND huyện Thường Xuân	-nt-
6	Trường THPT Như Thanh II.	9.464	8.110	1.354	1.354	UBND huyện Như Thanh	-nt-
7	Nhà hội trường - Khu hội nghị huyện Ngọc Lặc.	5.353	3.500	1.853	1.853	UBND huyện Ngọc Lặc	-nt-

Phụ biểu 4:

CHI TIẾT HỖ TRỢ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH VÀ TRUNG TÂM BỒI DƯỠNG CHÍNH TRỊ CẤP HUYỆN NĂM 2013

(Kế hoạch được phê duyệt theo Quyết định số 4234 /2012/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2012 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng



Số TT	Danh mục đầu tư	Nhu cầu vốn (dự kiến)	Kế hoạch năm 2013	Chủ đầu tư	Ghi chú
TỔNG SỐ					
1	Cải tạo Trường Chính trị tỉnh.	24.246	10.000		
		11.956	4.000	Trường Chính trị tỉnh	Triển khai thực hiện cải tạo hàng mục nhà giảng đường - thư viện, nhà hiệu bộ - hành chính, ký túc xá B1, B2, nhà ăn và hội trường.
2	Nâng cấp Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Vĩnh Lộc (Phần hỗ trợ theo Kết luận của Ban TVTU).	1.000	800	Huyện uỷ Vĩnh Lộc	Hoàn thành các hạng mục công trình được hỗ trợ đầu tư theo Kết luận số 21-KT/TTU ngày 04/5/2008 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; số vốn còn thiếu sẽ bố trí sau khi có quyết toán được duyệt.
3	Nâng cấp Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Triệu Sơn (Phần hỗ trợ theo Kết luận của Ban TVTU).	846	700	Huyện uỷ Triệu Sơn	-nt-
4	Nâng cấp Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Như Thanh (Phần hỗ trợ theo Kết luận của Ban TVTU).	3.444	1.500	Huyện uỷ Như Thanh	Triển khai thực hiện các hạng mục công trình được hỗ trợ đầu tư theo Kết luận số 21 - KT/TTU ngày 04/5/2008 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.
5	Nâng cấp Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Đông Sơn (Phần hỗ trợ theo Kết luận của Ban TVTU).	3.700	1.600	Huyện uỷ Đông Sơn	-nt-
6	Nâng cấp Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Cẩm Thuy (Phần hỗ trợ theo Kết luận của Ban TVTU).	3.300	1.400	Huyện uỷ Cẩm Thuy	-nt-